

Số: 2960 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới; cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh (đợt IV, năm 2020).

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 17/12/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 3967/BKHCN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2020 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5318/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020 tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2637/QĐ-UBND ngày 02/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 2091/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi tên đơn vị chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4107/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; số 2064/QĐ-UBND ngày 4/6/2018; số 2695/QĐ-UBND ngày 16/7/2018; số 530/QĐ-UBND ngày 01/02/2019; số 962/QĐ-UBND ngày 20/3/2019; số 1733/QĐ-UBND ngày 10/5/2019; số 2638/QĐ-UBND ngày 02/7/2019; số 4505/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; số 2477/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Tài chính tại Tờ trình số 927/TTr-SKH-CN-STC ngày 16/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) mới; cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi (NTMN) và nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (đợt IV, năm 2020), như sau:

1. Phê duyệt danh mục và dự toán chi tiết các nhiệm vụ KH&CN mới:

1.1. Số lượng nhiệm vụ KH&CN mới: 06 nhiệm vụ

a) *Nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình NTMN: 03 nhiệm vụ, trong đó:*

- Nhiệm vụ KH&CN do Trung ương quản lý: 01 nhiệm vụ;
- Nhiệm vụ KH&CN ủy quyền cho địa phương quản lý: 02 nhiệm vụ
(Nội dung chi tiết tại Biểu 1 kèm theo);

b) *Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: 03 nhiệm vụ (Nội dung chi tiết tại Biểu 2 kèm theo);*

1.2. Kinh phí thực hiện: 33.440.590.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó:

a) *Nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình NTMN: 29.278.920.000 đồng;*

- Kinh phí SNKH Trung ương: 7.580.000.000 đồng;
- Kinh phí SNKH địa phương: 4.019.896.000 đồng;
- Nguồn huy động hợp pháp khác và nguồn tự có: 17.679.024.000 đồng.
(Có dự toán chi tiết tại các Biểu: 1a, 1b, 1c kèm theo).

b) *Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: 4.161.670.000 đồng.*

- Kinh phí SNKH địa phương: 3.990.670.000 đồng;
- Nguồn huy động hợp pháp khác và nguồn tự có: 171.000.000 đồng.
(Có dự toán chi tiết tại các Biểu: 2a, 2b, 2c kèm theo).

2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ năm 2020.

2.1. Nguyên tắc cấp phần ngân sách nhà nước hỗ trợ

a) *Đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý:*

- Kinh phí SNKH Trung ương: Trung ương cấp trực tiếp cho các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
- Kinh phí SNKH địa phương đối ứng: Cấp lần đầu không quá 50% dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

b) *Đối với nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền cho địa phương quản lý và nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh:*

- Kinh phí SNKH Trung ương: Thực hiện theo Công văn số 3967/BKH-CN-KHTC ngày 10/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Kinh phí SNKH địa phương và phần địa phương đối ứng:
 - + Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu, quyết toán: Cấp đủ 100% kinh phí còn thiếu để thực hiện nhiệm vụ KH&CN;
 - + Đối với các nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp: Cấp không quá 80% dự toán được phê duyệt;
 - + Đối với các nhiệm vụ KH&CN mới: Kinh phí cấp lần đầu không quá 50% tổng dự toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN.

2.2. Cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phần ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Số lượng nhiệm vụ KH&CN được cấp đợt này: 22 nhiệm vụ:

- Nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình NTMN: 04 nhiệm vụ (trong đó: 01 nhiệm vụ chuyển tiếp và 03 nhiệm vụ mới);
- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: 18 nhiệm vụ (trong đó: 11 nhiệm vụ chuyển tiếp; 04 nhiệm vụ đã nghiệm thu, quyết toán và 03 nhiệm vụ mới).

b) Tổng kinh phí cấp đợt này: **12.269.020.000 đồng** (Mười hai tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó:

- Nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình NTMN: 3.900.000.000 đồng;
- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh: 8.369.020.000 đồng.

(Nội dung chi tiết tại các Biểu: 3, 3a, 3b kèm theo)

c) Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ, đề tài khoa học trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2020: 10.169.020.000 đồng;
- Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương bổ sung thực hiện một số đề tài, dự án khoa học và công nghệ: 2.100.000.000 đồng.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN và ký kết hợp đồng nghiên cứu đối với các nhiệm vụ KH&CN mới; kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN đảm bảo tiến độ và đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện cấp kinh phí cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

3. Các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN: Triển khai, thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đảm bảo đúng nội dung, tiến độ đã được phê duyệt; quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng tổ chức chủ trì, chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TTr UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Nguyễn Đức Thịnh;
- Lưu: VT, NN (QĐ 35).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

BIỂU 1: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KH&CN MỚI THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
I	Dự án KH&CN thuộc chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý									
1.	<p>Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và sơ chế dược liệu an toàn nghệ vàng (Cucurma LongaL) và đinh lăng (Polyscias fruticosa (L) Harms tại huyện miền núi Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá</p>	<p>- Tổ chức chủ trì: Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp Tuấn Long -Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội, Viện Dược liệu.</p>	<p>Xây dựng thành công mô hình nhân giống, trồng, thu hái, sơ chế và bảo quản Nghệ vàng theo GACP - WHO và Đinh lăng theo hướng GACP - WHO nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.</p>	<p>- Tiếp nhận, chuyển giao các quy trình kỹ thuật: Nhân giống cây nghệ vàng; Trồng trọt cây nghệ vàng; Thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu nghệ vàng; Nhân giống vô tính cây đinh lăng bằng hom; Trồng cây đinh lăng; Thu hái và bảo quản cây đinh lăng theo GACP-WHO; Quy trình công nghệ sấy áp suất thấp. - Xây dựng các mô hình của dự án Mô hình 1: Nhân giống nghệ vàng Xây vườn giống gốc nghệ vàng Mô hình 2: Nhân giống đinh lăng Xây dựng vườn giống gốc đinh lăng Mô hình 3: Trồng</p>	<p>Về sản phẩm khoa học: - Tiếp nhận và làm chủ các quy trình kỹ thuật: nhân giống và bảo quản, xử lý giống; trồng; thu hái, sơ chế và bảo quản đinh lăng và nghệ vàng theo GACP-WHO. - Các mô hình: Vườn giống gốc nghệ vàng thuần chủng; Vườn ươm cây giống nghệ vàng; Vườn giống gốc đinh lăng thuần chủng; Vườn ươm cây giống đinh lăng Về sản phẩm cụ thể: - Mô hình trồng nghệ vàng được cấp giấy chứng nhận GACP – WHO - Mô hình trồng đinh lăng theo hướng GACP-WHO - Mô hình sơ chế và bảo quản dược liệu, lô</p>	36 tháng	8.586,831	1.510	1.574,357	Dự toán chi tiết tại biểu 1a kèm theo

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
				<p>đình lãng theo hướng GACP -WHO</p> <p>Mô hình 4: Trồng nghệ vàng theo tiêu chuẩn GACP - WHO</p> <p>Mô hình 5: Sơ chế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo kỹ thuật viên và tập huấn nông dân: Đào tạo kỹ thuật cho 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 200 lượt nông dân trong vùng của dự án. - Tổng kết, nghiệm thu dự án. 	<p>số 0 đạt tiêu chuẩn được điển VN5 (có phiếu kiểm nghiệm của cơ quan có thẩm quyền): 5 tấn dược liệu đình lãng, 5 tấn dược liệu nghệ vàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo được 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 200 lượt nông dân nắm vững quy trình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ đình lãng, nghệ vàng. 					
2.	<p>Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng, chế biến, tiêu thụ một số loài dược liệu Cát sâm (<i>Milletia speciosa</i> Champ), Hoài sơn (<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức chủ trì: Ban quản lý Rừng phòng hộ Thường Xuân. - Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Trung tâm Nghiên cứu dược liệu Bắc Trung bộ, Viện Dược liệu. 	<p>Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, trồng và chế biến dược liệu Cát sâm (<i>Milletia speciosa</i> Champ), Hoài sơn (<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill) nhằm mở rộng vùng trồng dược liệu, phát triển du lịch sinh thái, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao thu nhập, ổn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát lựa chọn địa điểm, chọn hộ tham gia mô hình: - Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và tiếp nhận các quy trình kỹ thuật; Đào tạo cán bộ kỹ thuật, tập huấn cho người dân - Xây dựng các mô hình của dự án: + Mô hình nhân giống cây cát sâm: Xây dựng vườn giống gốc cây cát sâm; Xây dựng mô hình vườn thơm 	<p>Về sản phẩm khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận và làm chủ các quy trình kỹ thuật: Quy trình kỹ thuật chọn lọc, nhân giống nguồn gen cát sâm; Quy trình trồng trọt, chăm sóc, thu hái và sơ chế nguồn gen cát sâm; Quy trình kỹ thuật nhân giống cây hoài sơn; Quy trình kỹ thuật trồng trọt cây hoài sơn; Quy trình kỹ thuật thu hái, chế biến và bảo quản dược liệu 	36 tháng	9.692,089	1.380	1.408,239	<p>Dự toán chi tiết tại biểu 1b kèm theo</p>

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
	Burkill) tại miền núi tỉnh Thanh Hoá.		định đời sống của người dân.	giống cây cát sâm + Mô hình trồng, chăm sóc, thu hái được liệu cát sâm; + Mô hình nhân giống cây Hoài Sơn: Xây dựng mô hình vườn giống gốc cây Hoài Sơn; Xây dựng mô hình ươm giống cây hoài sơn; + Mô hình trồng, thu hái hoài sơn; + Mô hình sơ chế và bảo quản dược liệu cát sâm, hoài sơn. - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình dự án. - Tổng kết, nghiệm thu dự án.	hoài sơn. - Phương án nhân rộng mô hình dự án. Về sản phẩm cụ thể: - Các mô hình: + Vườn giống gốc cây cát sâm: 0,2ha; Sản lượng thu hoạch 0,5 kg hạt giống/0,2 ha/dự án, đạt chỉ tiêu: + Vườn ươm giống cát sâm: 0,1 ha; cung cấp 100.000 cây giống/năm đạt chỉ tiêu: chiều cao cây 5-7cm; có từ 3-5 lá. + Mô hình trồng thương phẩm cây cát sâm: 5 ha/2 năm/dự án; Năng suất thu hoạch: 6,0 tấn khô/ha/năm. + Vườn giống gốc hoài sơn: 0,2 ha. + Vườn ươm giống hoài sơn: 0,1 ha; cung cấp 400.000 cây/năm. + Mô hình trồng thương phẩm cây hoài sơn: 10,0 ha/2 năm/dự án; Năng suất thu hoạch: 3,0 tấn khô/ha/năm; + Mô hình sơ chế và bảo quản dược liệu cát					

T T	Tên nhiệm vụ KHCN	Đơn vị	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)			Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	
					sâm, hoài sơn: 30,0 tấn cát sâm khô/dự án, đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V; 30,0 tấn hoài sơn khô, đạt tiêu chuẩn dược liệu cơ sở theo Dược điển Việt Nam V. - 10 kỹ thuật viên được đào tạo và 200 lượt nông dân được tập huấn nắm vững quy trình kỹ thuật					
II	Dự án KH&CN thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý									
1.	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai hướng thịt tại các huyện trung du, miền núi của tỉnh Thanh Hóa	- Tổ chức chủ trì: Viện Nông nghiệp Thanh Hóa. - Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ: Trung tâm giống gia súc lớn Trung ương	Về mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian thực hiện dự án: theo Quyết định số 1217/QĐ-BKHCN ngày 09/5/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN phê duyệt Danh mục đặt hàng các dự án thuộc Chương trình NTMN do Trung ương quản lý, bắt đầu thực hiện từ năm 2019 và Biên bản họp tổ thẩm định kinh phí dự án ngày 27/6/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Thuyết minh dự án đã được chỉnh sửa theo 02 Biên bản trên, đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt				11.000	4.690	1.037,3	Dự toán chi tiết tại biểu 1c kèm theo
Tổng cộng (I+II)							29.278,92	7.580	4.019,896	

Biểu 1a: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và sơ chế dược liệu an toàn nghệ vàng (*Cucurma Longa*L) và đinh lăng (*Polyscias fruticosa* (L) Harms tại huyện miền núi Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	405,000	250,000	155,000	155,000	
2	Đào tạo, tập huấn	160,000	160,000			
3	Nguyên vật liệu năng lượng	3.981,161	450,000	513,687		3.017,474
4	Thiết bị máy móc	1.315,000	500,000			815,000
5	Xây dựng cơ bản	600,000				600,000
6	Công lao động	1.617,600	100,000	467,600	467,600	1.050,000
7	Chi khác	508,070	50,000	438,070	438,070	20,000
	Tổng cộng	8.586,831	1.510,000	1.574,357	1.060,670	5.502,474

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên theo Văn bản số 504/KLTD ngày 21 /4/2020 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

Biểu 1b: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng, chế biến, tiêu thụ một số loài dược liệu Cát sâm (*Milletia speciosa* Champ), Hoài sơn (*Dioscorea persimilis* Prain et Burkill) tại miền núi tỉnh Thanh Hoá”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	330,400	280,000	50,400	50,400	
2	Đào tạo, tập huấn	160,000	160,000			
3	Nguyên vật liệu năng lượng	4.256,812	490,000	838,962		2.927,850
4	Thiết bị máy móc	995,000	200,000			795,000
5	Xây dựng cơ bản	709,000				709,000
6	Công lao động	2.776,259	150,000	276,259	276,259	2.350,000
7	Chi khác	464,618	100,000	242,618	242,618	122,000
	Tổng cộng	9.692,089	1.380,000	1.408,239	569,278	6.903,850

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên theo Văn bản số 646/KLTD ngày 19/5/2020 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

**Biểu 1c: Dự toán chi tiết dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi
bò lai hướng thịt tại các huyện trung du, miền núi của tỉnh Thanh Hóa”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó			
			SNKH TW (Đã được Bộ KH&CN phê duyệt)	SNKH địa phương		Tự có, khác
				Tổng	Trong đó khoản chi	
1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ	400,0	400,0	0		0
2	Đào tạo, tập huấn	240,0	240,0	0		0
3	Nguyên vật liệu năng lượng	6.578,0	3.300,0	336,5		2.941,5
4	Thiết bị máy móc	0	0			
5	Xây dựng cơ bản	0	0			
6	Công lao động	3.221,4	400,0	500,2	500,2	2.321,2
7	Chi khác	560,6	350,0	200,6	200,6	10,00
	Tổng cộng	11.000,0	4.690,0	1.037,3	700,8	5.272,7

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên theo Văn bản số 863/KLTD ngày 09/8/2019 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

BIỂU 2: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH MỚI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
1.	Đề tài: Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Cao đẳng nghề số 4 - Bộ Quốc phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được thực trạng, đề xuất được giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020. - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau THCS, THPT trên địa bàn tỉnh. - Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025. - Xây dựng mô hình lý thuyết đào tạo nghề gắn với giải quyết việc 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu điều tra, khảo sát. - Báo cáo thực trạng chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020 - Báo cáo giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT. - Mô hình lý thuyết nâng cao chất lượng đào tạo hệ cao đẳng gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT. - Mô hình lý thuyết nâng cao chất lượng đào tạo hệ trung cấp gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT. 	24 tháng	1.169,98	1.169,98	Dự toán chi tiết tại Biểu 2a kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				<p>làm cho học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai mô hình đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa . - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài - Xây dựng hồ sơ nghiệm thu đề tài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình lý thuyết nâng cao chất lượng đào tạo hệ sơ cấp gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT. - Báo cáo kết quả thực hiện mô hình nâng cao chất lượng đào tạo hệ Cao đẳng gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT tại Trường Cao đẳng nghề số 4 - Bộ Quốc phòng. - Báo cáo kết quả thực hiện mô hình nâng cao chất lượng đào tạo hệ trung cấp gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT tại Trường Cao đẳng nghề số 4 - Bộ Quốc phòng. - Báo cáo kết quả thực hiện mô hình nâng cao chất lượng đào tạo hệ sơ cấp nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS, THPT tại Trường Cao đẳng nghề và tại 				

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
					<p>Trung tâm giáo dục nghề nghiệp huyện của tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Phương án sử dụng kết quả của đề tài.</p> <p>- Bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài.</p>				
2.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	<p>- Đánh giá được thực trạng và tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p> <p>- Xây dựng được mô hình lý thuyết và triển khai thí điểm 2 mô hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Đề xuất giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa</p>	<p>- Đánh giá thực trạng và tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Nghiên cứu khảo sát thực tế về kinh nghiệm trong việc khai thác phát triển loại hình du lịch tâm linh tại tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Ninh Bình, Quảng Trị, Huế, An Giang.</p> <p>- Lựa chọn các điểm tâm linh có tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Xây dựng mô hình lý thuyết và triển khai thí điểm 2 mô hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Nghiên cứu đề xuất</p>	<p>- Báo cáo tổng hợp, xử lý số liệu</p> <p>- Báo cáo chuyên môn:</p> <p>+ Thực trạng và tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh</p> <p>+ Hệ thống tiêu chí lựa chọn các điểm có tiềm năng phát triển loại hình du lịch tâm linh.</p> <p>+ Mô hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (Mô hình lý thuyết).</p> <p>+ Kết quả triển khai thí điểm mô hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh</p> <p>+ Giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>- Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu (được đơn vị đề xuất đặt hàng</p>	24 tháng	1.019,27	1.019,27	Dự toán chi tiết tại biểu 2b kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
				giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. - Viết báo cáo khoa học tổng kết đề tài.	cam kết sử dụng). - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học.				
3.	Đề tài: Xây dựng phần mềm nhận dạng nhanh một số loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa	<p><i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong xử lý hình ảnh để xây dựng thành công phần mềm nhận dạng một số loài động, thực vật quý hiếm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Xây dựng được phần mềm nhận dạng các loài động thực vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng được cơ sở dữ liệu các loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm trên</p>	<p>- Điều tra, khảo sát CSDL về động thực vật nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh. - <i>Nghiên cứu phân tích thiết kế hệ thống phần mềm nhận dạng các loài động thực vật nguy cấp, quý, hiếm (thiết kế CSDL, thiết kế chức năng)</i> - <i>Xây dựng phần mềm nhận dạng động thực vật quý hiếm (lựa chọn công nghệ nền, xây dựng các module chức năng, xây dựng CSDL, chạy thử phần mềm, xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm)</i> - Xây dựng quy định sử dụng phần mềm phù hợp với điều kiện</p>	<p>- Cơ sở dữ liệu một số loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; - Báo cáo phân tích thiết kế hệ thống để xây dựng phần mềm nhận dạng một số loài động, thực vật quý hiếm; - Phần mềm nhận dạng một số loài động, thực vật nguy cấp, quý hiếm sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây - Báo cáo kết quả thử nghiệm hệ thống được áp dụng cho 01 Hạt Kiểm lâm; - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài. - 01 bài báo công bố kết quả đề tài</p>	24 tháng	1.972,42	1.801,42	Dự toán chi tiết tại biểu 2c kèm theo

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)		Ghi chú
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	
			địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được quy định sử dụng phần mềm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.	quản lý của tỉnh. - Tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng phần mềm. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả của đề tài. - Viết báo cáo khoa học tổng kết đề tài					
	Tổng cộng						4.161,67	3.990,67	

Biểu 2a: Dự toán chi tiết đề tài “Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	931,9	931,9	861,9	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	238,08	238,08	182,08	0
	Tổng cộng	1.169,98	1.169,98	1.043,98	0

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 798/SKH-CN-KLTD ngày 19/6/2020 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

Biểu 2b: Dự toán chi tiết đề tài “Nghiên cứu giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học)	747,88	747,88	691,68	0
2.	Khoản 2: Nguyên, vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	0	0	0	0
4.	Khoản 4: Xây dựng, sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	271,39	271,39	271,39	0
	Tổng cộng	1.019,27	1.019,27	963,07	0

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 806/KLTĐ-SKH&CN ngày 22/6/2020 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

Biểu 02c: Dự toán chi tiết đề tài “Xây dựng phần mềm nhận dạng nhanh một số loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng	Trong đó		
			Nguồn SNKH		Nguồn tự có, khác
			Tổng	Trong đó khoản chi	
1.	Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)	1.673,67	1.673,67	417,17	0
2.	Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng	0	0	0	0
3.	Khoản 3: Thiết bị, máy móc	171	0	0	171
4.	Khoản 4: Xây dựng và sửa chữa nhỏ	0	0	0	0
5.	Khoản 5: Chi khác	127,75	127,75	127,75	0
	Tổng cộng	1.972,42	1.801,42	544,92	171

(Nội dung chi tiết các khoản chi nêu trên và phương án xử lý tài sản theo Văn bản số 799/KLTD-SKHCVN ngày 19/6/2020 của Giám đốc Sở KH&CN Thanh Hóa)

**BIỂU 3: TỔNG HỢP CẤP KINH PHÍ SNKH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CHƯƠNG TRÌNH
NÔNG THÔN MIỀN NÚI VÀ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH ĐỢT IV, NĂM 2020.**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổng	Trong đó		Ghi chú
			SNKH Trung ương	SNKH Địa phương	
	Tổng số	12.269,02	2.100	10.169,02	
I	Chương trình Nông thôn miền núi	3.900	2.100	1.800	Nội dung chi tiết tại Biểu 3a
1	Nhiệm vụ KH&CN do Trung ương quản lý	450		450	
1.1	01 nhiệm vụ mới	450		450	
2	Nhiệm vụ KH&CN ủy quyền cho địa phương quản lý	3.450	2.100	1.350	
2.1	01 nhiệm vụ chuyển tiếp	1.350	1.000	350	
2.2.	02 nhiệm vụ mới	2.100	1.100	1.000	
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	8.369,02		8.369,02	Nội dung chi tiết tại Biểu 3b
1	04 nhiệm vụ đã nghiệm thu, quyết toán	1.119,02		1.119,02	
2	11 nhiệm vụ chuyển tiếp	5.670		5.670	
3	03 nhiệm vụ mới	1.580		1.580	

**BIỂU 3a: CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
NÔNG THÔN MIỀN NÚI (PHẦN NSNN HỖ TRỢ) NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí								
				Tổng số	Trong đó		Đã cấp	Trong đó		Cấp đợt này	Trong đó	
					SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP		SNKH TW	SNKH ĐP
	Tổng số			35.404,3	8.890	5.459,29	2.939,39	2.400	539,39	3.900	2.100	1.800
I	Nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý			11.000	4.690	1.037,3	2.000	2.000	0	450	0	450
1	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bò lai hướng thịt tại các huyện trung du, miền núi của tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	36 tháng	11.000	4.690	1.037,3	2.000	2.000	0	450	0	450
II	Nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý			24.404,3	4.290	4.421,99	939,39	400	539,39	3.450	2.100	1.350
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp			6.125,38	1.400	1.439,39	939,39	400	539,39	1.350	1.000	350
1.1	Ứng dụng tiến bộ KHKT xây dựng mô hình trồng và sơ chế Khôi tía, Bương mốc tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bến En	Vườn quốc gia Bến En	6/2018 - 6/2021	6.125,38	1.400	1.439,39	939,39	400	539,39	1.350	1.000	350

2	Nhiệm vụ mới			18.278,92	2.890	2.982,6				2.100	1.100	1.000
2.1	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất và sơ chế dược liệu an toàn nghệ vàng (<i>Cucurma Longa</i> L) và đinh lăng (<i>Polyscias fruticosa</i> (L) Harms) tại huyện miền núi Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Hợp tác xã dịch vụ nông lâm nghiệp Tuấn Long	36 tháng	8.586,831	1.510	1.574,357	0	0	0	1.000	500	500
2.2	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng, chế biến, tiêu thụ một số loài dược liệu Cát sâm (<i>Milletia speciosa</i> Champ), Hoài sơn (<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill) tại miền núi tỉnh Thanh Hoá.	Ban quản lý Rừng phòng hộ Thường Xuân	36 tháng	9.692,089	1.380	1.408,239	0	0	0	1.100	600	500

BIỂU 3b: CẤP KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH (ĐỢT IV, NĂM 2020)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện			
				Tổng	SNKH	SNKH đã cấp	SNKH cấp đợt này
1.	Nhiệm vụ KH&CN đã nghiệm thu, quyết toán			4.998,664	4.813,294	3.694,274	1.119,02
1.1	Đề tài: Xây dựng cơ sở dữ liệu Multimedia (cơ sở dữ liệu đa phương tiện) phục vụ hoạt động ứng dụng chuyên giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trung tâm Thông tin Ứng dụng - Chuyên giao KH&CN Thanh Hóa	11/2017-11/2019	1.966,118	1.966,118	1.572,918	393,2
1.2	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển thể chất cho học sinh tiểu học tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	4/2018-4/2020	1.117,72	1.117,72	877,72	240
1.3	Đề tài: Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật nhân giống vô tính cây Giổi ăn hạt (<i>Michelia tonkinensis</i> A .Chev), phục vụ trồng rừng gỗ lớn, nâng cao thu nhập cho người dân miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Ban Quản lý Khu BTTN Xuân Liên	9/2017-3/2020	1.342,156	1.156,786	810,966	345,82
1.4	Đề tài: Nghiên cứu, đề xuất giải pháp xây dựng Môi trường văn hóa lành mạnh vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	6/2017-6/2019	572,67	572,67	432,67	140
2	Nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp			31.930,93	16.496,217	5.902,217	5.670
2.1	Đề tài: Xây dựng phần mềm tuyển sinh trực tuyến Trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa	Sở Giáo dục và Đào tạo	5/2019-10/2020	1.267,65	1.267,65	443,65	450
2.2	Dự án: Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình nuôi thâm canh cá Trắm đen (<i>Mylopharyngodon piceus</i>	Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Thanh Thành Đạt	9/2018-3/2021	4.014,3	1.338,71	518,71	420

	(Richardson, 1846) trên đất 1 vụ lúa kém hiệu quả, dọc trục kênh tiêu nông đảm bảo an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị tại huyện Thọ Xuân						
2.3	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất tinh trấu cọng rạ phục vụ công tác cải tạo, nâng cao tầm vóc đàn trâu tại tỉnh Thanh Hóa.	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	8/2018-8/2021	1.366,39	1.188,76	478,76	360
2.4	Đề tài: Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thuần kháng bệnh bạc lá lúa (Xanthomonas Campestris PV.Oryza) năng suất, chất lượng tốt, phù hợp với tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH Phát triển nông nghiệp Hồng Đức	01/2019-12/2021	3.334,83	2.289,76	809,76	800
2.5	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình hợp tác liên kết lúa Nếp Cẩm tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa đạt VietGAP, gắn với xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, thương hiệu và truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm gạo Nếp Cẩm xứ Thanh	Công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao CN Việt Thanh	01/2019-6/2021	10.787,95	2.626,45	916,45	950
2.6	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp nâng cao đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay	Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa	7/2018-7/2020	788,84	788,84	310,84	240
2.7	Đề tài: Xây dựng cơ sở dữ liệu các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8/2018-8/2020	953,11	953,11	381,11	290
2.8	Đề tài: Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ tài chính vi mô cho phụ nữ nghèo và cận nghèo nông thôn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	5/2019-5/2021	1.156,062	1.156,062	406,062	400

2.9	Đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn hoạt động cho vay trái pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công an tỉnh Thanh Hóa	11/2019-4/2020	1.173,998	1.173,998	333,998	470
2.10	Đề tài: Đánh giá mật độ xương và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường típ 2 bằng phương pháp DEXA tại bệnh viện Nội tiết tỉnh Thanh Hóa năm 2019-2020	Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa	4/2019-4/2021	2.183,66	960,237	340,237	330
2.11	Đề tài: Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thuần Thanh Hương ngắn ngày, năng suất, chất lượng, tỉnh Thanh Hoá	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Thanh Hóa	01/2019-01/2022	4.904,14	2.752,64	962,64	960
3.	Nhiệm vụ KH&CN mới			4.161,67	3.990,67	0	1.580
3.1	Đề tài: Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho đối tượng học sinh sau THCS và THPT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trường Cao đẳng nghề số 4/BQP	24 tháng	1.169,98	1.169,98	0	460
3.2	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp phát triển loại hình du lịch tâm linh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Trường Đại Học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	24 tháng	1.019,27	1.019,27	0	400
3.2	Đề tài: Xây dựng phần mềm nhận dạng nhanh một số loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Kiểm Lâm Thanh Hóa	24 tháng	1.972,42	1.801,42	0	720
	Tổng cộng (1+2+3)			41.091,02	25.300,18	9.576,49	8.369,02